

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Duy Hiền và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2020, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu: Số 407 N, khu x, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Số 18, ngõ 359, N, khu x, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Gi, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 407 N, khu x, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1954; Trú tại: Số 407 N, khu x, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

2. Anh Nguyễn Hữu Cg, sinh năm 1976; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Đều trú tại: Số 11, ngõ 359, N, khu x, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Gi và những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Gia Lộc đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ anh Gi tại thị trấn G được khoảng 2 năm thì thuê nhà ở riêng. Từ năm 2016 giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về suy nghĩ làm ăn. Từ ngày ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng ngày Cng khó khăn, anh Gi không chịu làm và

viện cơ sức khỏe yếu, chị đã khuyên anh tìm công việc phù hợp với sức khỏe để vợ chồng có thêm thu nhập nhưng anh Gi không đồng ý, không muốn đi làm thuê cho ai và chỉ thích chơi. Chị phải đi làm, lo toan gánh vác mọi việc, mọi chi phí, ăn ở, sinh hoạt của vợ chồng, con cái đều do chị lo liệu, tính toán. Cuối năm 2019, anh chị sống ly thân. Anh Gi đưa 3 con về ở tại nhà của bố mẹ anh. Tháng 02/2020 chị L viết đơn xin ly hôn anh Gi, sau đó đã rút đơn được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Chị tiếp tục khuyên anh Gi đi làm để vợ chồng có kinh tế riêng, cuộc sống gia đình được cải thiện, độc lập và không phụ thuộc vào sự chu cấp của bố mẹ chồng nhưng anh Gi nói anh không phải đi làm thuê cho ai. Tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không thay đổi, anh chị vẫn sống ly thân, đến cuối tháng 5/2020, chị chuyển thuê nhà trọ khác, anh Gi cũng không quan tâm gì đến chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Gi. Về con chung: Chị và anh Gi có ba con chung là Nguyễn L1, sinh ngày 10/01/2002, Nguyễn L2, sinh ngày 15/02/2005 và Nguyễn Hữu L3, sinh ngày 14/7/2008. Hiện cả ba con đang ở cùng anh Gi. Cháu L1 đã trên 18 tuổi chị không đề nghị giải quyết, đối với cháu L2 và L3: Khi vợ chồng ly hôn, các cháu muốn ở với ai chị đều tôn trọng. Ngoài ra, chị L trình bày chị đang có thai đứa con thứ tư của anh Gi và chị, thai được khoảng 8 tuần tuổi. Chị không yêu cầu giải quyết và tự nguyện nuôi dưỡng con sau khi con được sinh ra, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn- anh Nguyễn Hữu Gi vào ngày 12/9/2020 và ngày 02/7/2020 thể hiện: Anh xác định việc đăng ký kết hôn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng không ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, không đến mức chị L phải xin ly hôn anh. Mấy năm gần đây, mỗi khi vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm thì chị L lại đòi ly hôn anh khiến anh bức tức. Ngày 22/12/2019 âm lịch, vợ chồng lại cãi nhau, chị L muốn ly hôn nên anh đã về nhà bố mẹ anh ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh đã nhiều lần về gặp chị L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Gia đình hai bên đã khuyên rất nhiều nhưng không có kết quả. Nay chị L kiên quyết muốn ly hôn anh, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với vợ và không nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có ba con chung như chị L trình bày. Anh không đề nghị giải quyết việc nuôi cháu L1 vì cháu đã trên 18 tuổi, đề nghị được tiếp tục nuôi hai con là cháu L2 và L3, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng anh. Về việc chị L đang có thai và cho là con chung của anh và chị L: Anh Gi không có ý kiến gì; sau này chị L sinh con ra và tự nguyện nuôi, không yêu cầu anh đóng góp gì, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại địa phương và tại trường Trung học cơ sở thị trấn G thể hiện: Anh Gi và chị L kết hôn từ năm 2001 đến nay có ba con chung. Sau lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, anh chị sinh sống cùng nhà với bố mẹ

anh Gi tại thị trấn G, sau đó ra thuê trọ ở riêng. Qua tìm hiểu địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do giữa chị L và mẹ anh Gi không hợp nhau, khi vợ chồng ra ở riêng do sức khỏe của anh Gi yếu, không làm được việc nặng nên kinh tế vợ chồng hoàn toàn do chị L gánh vác. Anh chị đã nhiều lần xảy ra va chạm, xô xát. Anh chị đã được gia đình phân tích, động viên nhiều lần. Chị L đã xin ly hôn anh Gi vào tháng 02/2020, sau lại rút đơn nhưng vợ chồng không đoàn tụ, anh chị vẫn sống ly thân bắt đầu từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh Gi, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên và con chung của anh chị. Đối với hai con chung của anh Gi và chị L là cháu Nguyễn L2, sinh ngày 15/02/2005 và Nguyễn Hữu L3, sinh ngày 14/7/2008 đều là học sinh của Trường Trung học cơ sở thị trấn G: Giáo viên chủ nhiệm và nhà trường cung cấp qua quá trình theo dõi, giảng dạy các cháu, thấy hai cháu L2 và L3 học tập, rèn luyện và phát triển tốt.

Lời khai của ông Nguyễn Hữu C là bố đẻ của anh Gi thể hiện: Ông C xác định thời gian đầu anh Gi và chị L sống với nhau bình thường, đến khoảng năm 2004-2005, anh Gi bị đau lưng, không làm được việc nặng nên đã về làm công cho ông tại nhà ông. Khoảng vài năm gần đây, chị L phải lo kinh tế nhiều hơn, phải đi làm vất vả hơn để có thu nhập chi tiêu cho cuộc sống chung của vợ chồng, con cái nên giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn như thế nào ông không nắm rõ. Bản thân ông đã góp ý, khuyên bảo anh Gi và chị L nhiều lần, hàng tháng ông hỗ trợ anh chị 2.000.000đồng để nuôi con, cho anh Gi 1.000.000đồng để chi tiêu cá nhân, nếu anh chị không có tiền thuê nhà, nuôi con hay gặp khó khăn gì thì vợ chồng ông sẵn sàng hỗ trợ thêm, nhưng chị L không đồng ý và quyết định ly hôn anh Gi. Ông mong muốn vợ chồng anh Gi đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của anh chị: Hiện nay cả bốn bố con anh Gi đang ở tại nhà của vợ chồng ông. Nếu anh Gi trực tiếp nuôi con, ông bà sẽ giúp đỡ, hỗ trợ anh Gi trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Lời khai của anh Nguyễn Hữu Cg, chị Nguyễn Thị H (là anh trai, chị dâu của anh Gi) thể hiện: Trong cuộc sống hằng ngày giữa anh Gi và chị L không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng không đánh nhau, anh Gi không rượu chè, cờ bạc... Khoảng 10 năm nay, anh Gi bị bệnh đau lưng không lao động nặng được nên đã về bán hàng cho bố mẹ anh. Chị L và anh Gi đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Khi biết chị L xin ly hôn anh Gi, anh chị đã nói chuyện, động viên chị L và anh Gi nhiều lần nhưng anh chị vẫn không đoàn tụ. Anh Cg, chị H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí

và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Gi; Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn L2, sinh ngày 15/02/2005 và Nguyễn Hữu L3, sinh ngày 14/7/2008 cho anh Gi nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Gi không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hữu Gi trú tại thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương L và anh Nguyễn Hữu Gi là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh Gi và chị L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (20/7/2001).

Qua lời khai của các bên đương sự và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, HĐXX thấy trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh Gi không thống nhất được với nhau về suy nghĩ, cách làm ăn, xây dựng và phát triển kinh tế chung vợ chồng để cùng nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã nhiều lần xung đột, xô xát. Mặc dù anh chị đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không cải thiện. Từ tháng 12/2019 âm lịch anh chị sống ly thân. Tháng 02/2020, chị L đã viết đơn xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết. Do anh Gi không nhất trí ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh chị vẫn không thống nhất được quan điểm, suy nghĩ, chị L muốn anh Gi tìm công việc riêng, để kinh tế vợ chồng được độc lập, không phụ thuộc vào sự trợ giúp của bố mẹ chồng nhưng anh Gi không đồng ý. Cuộc sống vẫn như trước mà không có gì thay đổi, tiến triển. Anh chị vẫn sống ly thân. Anh Gi xác định anh vẫn còn tình cảm với chị L, không nhất trí ly hôn nhưng thực tế anh không còn quan tâm, giúp đỡ chị L ngay cả khi biết chị L có thai và chuyển nhà trọ khác. Mặt khác, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập làm việc, anh Gi cố tình vắng mặt. Anh Gi mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng lại vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (hai lần), thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng như lời trình bày của anh. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị L và anh Gi không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị trên thực tế đã chấm dứt (từ cuối năm 2019) đến nay không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Gi là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Gi có ba con chung là Nguyễn L1, sinh ngày 10/01/2002, Nguyễn L2, sinh ngày 15/02/2005 và Nguyễn Hữu L3, sinh ngày 14/7/2008. Hiện cả ba cháu đang ở cùng anh Gi. Cháu L1 đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị giải quyết là phù hợp. Đối với việc nuôi cháu L2 và L3, anh Gi đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi các con, chị L nhất trí. Như vậy, quan điểm của anh Gi và chị L thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu L2 và L3 muốn được tiếp tục ở với anh Gi. Hội đồng xét xử thấy, từ khi anh chị ly thân, cả ba con đều ở cùng anh Gi tại nhà của bố mẹ anh Gi; bản thân chị L đang thuê nhà trọ ở, lại đang có thai. Do đó, để sự phát triển của các con chung được đảm bảo ổn định, các cháu không bị xáo trộn về sinh hoạt, tâm sinh lý và cũng phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của chị L, anh Gi và các con chung nên cần giao cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn L2 và Nguyễn Hữu L3 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Gi tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, chị L nhất trí nên Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc chị L đang có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của anh Gi và chị L: Chị L đề nghị không giải quyết trong vụ án và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi chị sinh con ra, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con, anh Gi nhất trí ý kiến của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Gi đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Phương L ly hôn anh Nguyễn Hữu Gi.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu Gi trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn L2, sinh ngày 15/02/2005 và Nguyễn Hữu L3, sinh ngày 14/7/2008 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Gi về việc không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Chị Nguyễn Thị Phương L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008738 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Gia Lộc để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Mai